


BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

TRƯỜNG ĐH MỎ ĐỊA CHẤT
PHÒNG KHOA HỌC-CÔNG NGHỆ
TÀI LIỆU KHOA HỌC

BÁO CÁO

**TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ NĂM 2014
VÀ TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ NĂM 2015**

Hà Nội, 3-2015

Năm 2014, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI về Khoa học và Công nghệ; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ 18 và chương trình phát triển Khoa học và Công nghệ của Nhà trường, hoạt động KHCN của trường ta đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ.

Phát huy tiềm năng khoa học và truyền thống đoàn kết của đội ngũ cán bộ khoa học của Nhà trường, trong năm qua chúng ta đã hoàn thành tốt những nhiệm vụ NCKH của Nhà nước giao cho Trường và kế hoạch KHCN năm 2014 của Nhà trường.

Hôm nay, Nhà trường tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động KHCN nhằm đánh giá kết quả hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ đã đạt được trong năm 2014; rút ra các bài học kinh nghiệm và khắc phục những tồn tại trong hoạt động KHCN của Trường, trên cơ sở đó phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ KHCN năm 2015.

Báo cáo tổng kết hoạt động KHCN năm 2014 và triển khai hoạt động KHCN năm 2015, gồm 2 phần chính:

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2014

Thực hiện các nhiệm vụ được Nhà nước giao và các mục tiêu nhiệm vụ KHCN đặt ra của Nhà trường trong năm 2014, Trường Đại học Mở - Địa chất đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ và đạt được các kết quả, cụ thể:

I. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp (xem Bảng 1):

I.1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Nhà nước

Năm 2014, Trường Đại học Mở - Địa chất thực hiện 15 nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, gồm:

- 02 đề tài thuộc chương trình trọng điểm;
- 06 đề tài NCCB trong KHTN;
- 02 đề tài NCCB định hướng ứng dụng;
- 01 nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư Việt – Pháp;
- 04 nhiệm vụ cấp Nhà nước do Bộ Công thương quản lý;

I.1.1. Đề tài thuộc chương trình trọng điểm cấp Nhà nước

- Đề tài “Nghiên cứu đề xuất các tiêu chí và phân vùng khai thác bền vững, bảo vệ tài nguyên nước dưới đất vùng đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ” mã số KC08.06/11-15, do PGS.TS. Đoàn Văn Cảnh làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 36 tháng (từ 1/2012 đến 12/2014), với tổng kinh phí 4.500 triệu đồng; được sự đồng ý của Bộ KHCN cho điều chỉnh kinh phí đoàn ra, chủ nhiệm đề tài đang khẩn trương hoàn thành bổ sung hút nước thí nghiệm, phân tích mẫu đồng vị và 03 chuyên đề còn lại, đồng thời chủ nhiệm đề tài đang tổng hợp tài liệu viết báo cáo tổng kết. Dự kiến báo cáo nghiệm thu cấp cơ sở vào quý II/2015.

- Đề tài “Nghiên cứu, đánh giá kiến tạo hiện đại khu vực ven biển miền Trung Việt Nam và vai trò của nó đối với các tai biến thiên nhiên phục vụ dự báo và phòng tránh thiên tai trong điều kiện biến đổi khí hậu” mã số BDKH.42 thuộc chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, do PGS.TS. Trần Thanh Hải làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 24 tháng (từ 1/2014 đến 12/2015), với tổng kinh phí thực hiện 7.200trđ.

Đề tài đã hoàn thành nhiệm vụ của năm 2014 theo kế hoạch được giao: đã tiến hành thực địa một số khu vực, thu thập số liệu và xử lý thông tin đều được tiến hành đồng bộ. Tiến hành xử lý số liệu và kiểm tra thực địa, xác định được nhiều yếu tố địa chất hiện đại tác động tới nền địa chất và tai biến ven biển ở miền Trung Việt Nam. Đã nhận được nhiều dấu hiệu về chuyển động hiện đại của vỏ Trái đất tại một số khu vực để làm cơ sở cho việc nghiên cứu tiếp theo. Tổ chức hội thảo chuyên đề lần 1 để xin ý kiến các chuyên gia, tháng 1/2015.

1.1.2. Đề tài NCCB định hướng ứng dụng

- Đề tài *Nghiên cứu ứng dụng và phát triển mô hình phân tích, dự báo tai biến địa chất – kỹ thuật đối với công trình ngầm, công trình khai thác mỏ ở Việt Nam* mã số ĐT.NCCB.ĐHUD.2011-G/13 do GS.TS. Nguyễn Quang Phích làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 36 tháng, với tổng kinh phí là 4.100trđ (đề tài đã được cấp đủ kinh phí). Kết quả đã hoàn thành 105 chuyên đề theo đúng nội dung nghiên cứu. Công bố 3 bài báo và báo cáo khoa học; đào tạo được 2 thạc sỹ. Đề tài đang hoàn thiện báo cáo tổng kết, dự kiến sẽ bảo vệ cấp cơ sở vào tháng 4/2015.

- Đề tài *“Nghiên cứu xây dựng mô hình địa thống kê đánh giá tài nguyên khoáng sản khai thác lộ thiên”* mã số NCCB-ĐHUD.2012-G/01 do PGS.TS. Trương Xuân Luận chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 36 tháng (từ 12/2012 đến 12/2015), với tổng kinh phí là 2.900đ. Kết quả nghiên cứu của đề tài: đã xây dựng được cơ sở dữ liệu dạng Web; tiến hành 04 đợt thực địa tại Lào Cai; Thực hiện được 18 chuyên đề và tổ chức hội thảo chuyên đề tháng 12/2014.

1.1.3. Đề tài NCCB trong khoa học tự nhiên

06 đề tài tiếp tục thực hiện trong năm 2014. Đến nay, kết quả nghiên cứu của các đề tài này đã công bố 04 bài báo quốc tế, 10 bài báo trong nước; 6 báo cáo khoa học tại hội nghị quốc tế và đào tạo được 13 thạc sỹ và đang hướng dẫn 3 NCS.

Đề tài mã số 105.01-2011.14 do TS. Ngô Xuân Thành làm chủ nhiệm hoàn thành các sản phẩm theo quy định của Quỹ, đã nộp hồ sơ cho quỹ Nafosted chờ nghiệm thu, thanh lý hợp đồng; 03 đề tài khác chưa hoàn thành bài báo quốc tế ISI, đã làm thủ tục xin phép kéo dài thời gian thực hiện (mã số: 105.03-2011.23; 105.01-2011.18 và 105.03-2011-11). 02 đề tài mã số 105.01-2012.06 và 104.01-2012-24 đang thực hiện đúng tiến độ.

Đánh giá chung: Kết quả nghiên cứu của các đề tài được hỗ trợ từ quỹ Nafosted đã góp phần thúc đẩy hình thành và công bố nhiều bài báo trong và ngoài nước; góp phần tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, nâng cao trình độ cho cán bộ khoa học và đào tạo nhân lực trình độ cao cho các ngành địa chất, địa vật lý,... Tuy nhiên, do đặc thù của loại hình nghiên cứu này, đòi hỏi các cán bộ khoa học phải có năng lực nghiên cứu thực sự mới có thể hình thành và thực hiện được sản phẩm chính mà Quỹ yêu cầu, đó là 02 bài báo công bố trên tạp chí trong danh mục ISI.

Từ năm 2009 đến năm 2014, nhà trường thực hiện 9 đề tài đề tài NCCB do quỹ Nafosted hỗ trợ kinh phí, các đề tài này tập trung chủ yếu ở Khoa Địa chất: 7 đề tài; Khoa Dầu khí: 1 đề tài và Khoa ĐHĐC: 1 đề tài.

1.1.4. Đề tài thuộc các chương trình trọng điểm Nhà nước do Bộ Công thương quản lý

Năm 2014, Nhà trường thực hiện 04 nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước thuộc các chương trình trọng điểm do Bộ Công thương quản lý:

- Đề tài mã số ĐT.06.12/ĐMCNKK do PGS.TS. Trần Văn Thanh chủ nhiệm đã hoàn thành và được nghiệm thu cấp Nhà nước.

- Đề tài mã số ĐT.13.12/ĐMCNKK do TS. Nguyễn Anh Dũng chủ nhiệm và đề tài mã số ĐT.04.12/NLSH do TS. Tổng Thị Thanh Hương chủ nhiệm đã có quyết định hội đồng nghiệm thu cấp Nhà nước, đang chờ nghiệm thu.

- Đề tài mã số ĐT.14.13/ĐMCNKK do TS. Triệu Hùng Trường đang triển khai thực hiện và kết thúc tháng 12/2015. Trong thời gian tới, chủ nhiệm đề tài cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện, bổ sung chỉnh sửa các chuyên đề đã hoàn thành và thực hiện các nội dung còn lại, chuẩn bị tổng kết đề tài trong năm 2015.

1.1.5. Thực hiện nhiệm vụ HTNC theo Nghị định thư với nước ngoài

Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư Việt – Pháp “Nghiên cứu phát triển và ứng dụng phương pháp laser Lidar trong môi trường xon khí mỏ than” do TS. Bùi Thị Thanh Lan làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 24 tháng (từ tháng 3/2011 - tháng 3/2013). Tổng kinh phí được cấp 3.000trđ (kinh phí đã cấp đủ). Đề tài đã nghiệm thu cấp cơ sở tháng 10/2014, chủ nhiệm đề tài đang hoàn thiện báo cáo và các sản phẩm đi kèm theo kết luận của Hội đồng cấp cơ sở và làm các thủ tục trình Bộ Khoa học và Công nghệ cho phép nghiệm thu cấp Nhà nước.

1.2. Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ

Năm 2014, Trường Đại học Mở - Địa chất được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao thực hiện 24 nhiệm vụ KHCN cấp Bộ (01 chương trình; 21 đề tài và 01 nhiệm vụ an toàn lao động, 01 nhiệm vụ bảo vệ môi trường) với tổng kinh phí được cấp 4.019trđ và tiếp tục thực hiện 14 đề tài chuyển tiếp từ trước năm 2014 sang không còn kinh phí.

1.2.1. Chương trình KH & CN cấp Bộ

Chương trình KHCN cấp Bộ mã số CTB 2012-02 “Nghiên cứu, đánh giá tổng hợp điều kiện địa chất công trình vùng ven biển Bắc Bộ phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, ứng phó với biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng” do PGS.TS. Trần Đình Kiên làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 36 tháng (2011-2014), với kinh phí thực hiện chương trình là 6.000trđ (kinh phí cấp đến năm 2014: 3.640trđ). Do kinh phí cấp chưa đủ, là nguyên nhân chính dẫn đến một số nội dung của các đề tài thuộc chương trình chưa có kinh phí thực hiện. Ban chủ nhiệm chương trình điều hành các đề tài triển khai thống nhất, đồng bộ các nội dung nghiên cứu, đến nay chương trình đã tổ chức hội thảo lần thứ nhất và 3 đề tài đã tổ chức hội thảo để xin ý kiến của các chuyên gia, trên cơ sở đó các đề tài sẽ tiến hành bổ sung, chỉnh lý tài liệu. Khi được Bộ cấp tiếp kinh phí các đề tài sẽ tiến hành thực hiện các nội dung còn lại, đồng thời tổng hợp tài liệu và báo cáo tổng kết.

1.2.2. Đề tài KHCN cấp Bộ

- Đối với các đề tài cấp Bộ được giao năm 2014, đã triển khai thực hiện ngay sau khi được phê duyệt. Tuy nhiên, do kinh phí giao chậm và quá ít so với nhu cầu kế hoạch, nên đầu quý II năm 2014 các đề tài mới được nhận kinh phí để triển khai thực hiện nội dung nghiên cứu, điều này ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các đề tài chậm so với kế hoạch đặt ra. Mặc dù vậy, Nhà trường thường xuyên đôn đốc để các chủ nhiệm đề tài khắc phục mọi khó khăn, đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành khối lượng nhiệm vụ đặt ra theo đề cương đã được phê duyệt.

- 14 đề tài từ trước năm 2014 chuyển sang (không còn kinh phí), hiện đã có 12 đề tài được nghiệm thu cấp Bộ (10 tốt, 02 khá).

Ngoài ra, còn 02 đề tài cấp Bộ tồn đọng từ năm 2013 chuyển sang, Nhà trường yêu cầu chủ nhiệm các đề tài cần khẩn trương báo cáo tổng kết trong tháng 4/2015 (đề tài B2010-02-90 do TS. Phạm Văn Tuấn chủ trì và B2010-02-105TĐ do PGS.TS. Trần Khánh chủ trì).

I.2.3. Nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương với Ba Lan và Nhật Bản tiếp tục được thực hiện năm 2014, gồm:

- Nhiệm vụ "Nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường phóng xạ đối với con người do hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản chứa phóng xạ và đề xuất giải pháp phòng ngừa" do GS.TS. Lê Khánh Phồn làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 36 tháng (1/2012 -12/2014). Tổng kinh phí 2.600 trđ, kinh phí cấp đến năm 2014 là 1.380trđ. Đề tài đã hoàn thành khối lượng chuyên môn theo kinh phí được cấp: 10 báo cáo chuyên đề, tổ chức 04 đợt khảo sát thực địa và gửi 100 mẫu môi trường sang Ba Lan để phân tích; làm tốt công tác hợp tác nghiên cứu với các nhà khoa học Ba Lan. Kết quả nghiên cứu của đề tài: có bài báo được chấp nhận đăng trong tạp chí quốc tế; 02 bài báo trong nước; 07 báo cáo khoa học tại hội nghị; 01 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn, 01 NCS làm luận án theo hướng đề tài.

- Nhiệm vụ "Phát triển năng lực nghiên cứu đánh giá một số biến động môi trường điển hình phục vụ định hướng phát triển bền vững lưu vực sông Hồng phần lãnh thổ Việt Nam" do TS. Lê Văn Hưng làm chủ nhiệm Thời gian thực hiện 36 tháng (1/2012 -12/2014). Tổng kinh phí 2.600 trđ, kinh phí cấp đến năm 2014 là 1.380trđ. Đề tài đã tiến hành được 6 đợt thực địa (lấy bổ sung trên 100 mẫu nước dọc theo sông Hồng, từ Lào Cai đến cửa sông Thái Bình và một số phụ lưu của Sông Hồng; lắp đặt trạm đo tự động thời tiết, trạm đo tự động áp lực không khí và nước trong lỗ khoan); khoan 3 lỗ khoan tại Bắc Ninh, Hà Nội và Lào Cai và hoàn thành các chuyên đề theo kinh phí được cấp; tổ chức hội thảo khoa học. Tổ chức đoàn các nhà khoa học trao đổi và học hỏi kinh nghiệm tại Nhật Bản.

Đánh giá chung:

Đối với chương trình và các đề tài, nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ đã thực hiện đúng nội dung và tiến độ đặt ra, đáp ứng đủ các chuyên đề theo kinh phí được cấp. Tuy nhiên, do kinh phí của nhà nước cấp cho chương trình và các đề tài kết thúc trong năm còn chậm, hoặc không đáp ứng đủ kinh phí, dẫn đến tình trạng các chủ nhiệm đề tài không thực hiện được các nội dung còn lại theo đúng kế hoạch được phê duyệt.

Đối với các đề tài hợp tác song phương, chủ nhiệm đề tài đã tổ chức triển khai ngay sau khi được phê duyệt, khắc phục khó khăn về tài chính, tìm kiếm thêm nguồn đầu tư từ đối tác đã triển khai có hiệu quả trong công tác NCKH và hợp tác quốc tế về khoa học.

Với sự điều hành, chỉ đạo của Ban Giám hiệu và đôn đốc, nhắc nhở của các đơn vị chức năng đã yêu cầu chủ nhiệm đề tài hết hạn nghiên cứu, tồn đọng từ những năm trước giải quyết dứt điểm.

I.3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Năm 2014, Trường Đại học Mỏ - Địa chất thực hiện 37 đề tài, nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở, 224 đề tài NCKH của sinh viên, tổ chức một số Hội thảo khoa học quốc tế và

hội thảo chuyên đề và thực hiện một số nhiệm vụ KHCN khác (hỗ trợ thông tin xuất bản, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, ...).

Đề tài NCKH cấp cơ sở chủ yếu được xây dựng trên kế hoạch phát triển khoa học - công nghệ và đào tạo của nhà trường, có xét ưu tiên cho các NCS, học viên cao học và cán bộ trẻ thực hiện. Đến nay, toàn bộ 37 đề tài được nghiệm thu (đạt 100%). Kết quả các đề tài xếp loại, gồm: Tốt: 18; Khá: 10; Đạt: 09. Các đề tài này đã được thanh quyết toán tài chính theo đúng quy định của nhà nước.

Công tác quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở đã được nhà trường không ngừng đổi mới từ công tác xét duyệt đến tổ chức thực hiện và lập các Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu. Các công bố khoa học (bài báo, báo cáo khoa học, ...) là những tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại kết quả nghiên cứu của đề tài. Theo đó, chất lượng các đề tài NCKH cấp cơ sở đã được nâng lên rõ rệt.

Những tồn tại và nguyên nhân:

Bên cạnh những thành tích đã đạt được kể trên, trong năm qua vẫn còn có những đề tài chưa hoàn thành nhiệm vụ (xem Bảng 1).

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng kéo dài, nhưng một số nguyên nhân chính đó là:

- Chủ nhiệm đề tài được giao giảng dạy quá nhiều và chưa có nhận thức đầy đủ trách nhiệm trong việc thực hiện đề tài;

- Chủ nhiệm đề tài kiêm nhiệm công tác quản lý (Phòng, Khoa) hoặc làm nghiên cứu sinh cho nên không dành nhiều thời gian cho việc thực hiện đề tài;

II. Hoạt động của các phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu

Hiện nay, Nhà trường có 05 phòng thí nghiệm được đầu tư tăng cường năng lực nghiên cứu đi vào hoạt động. Nhìn chung, hoạt động của các PTN vẫn chưa đạt được hiệu quả như mong muốn, một số trang thiết bị hỏng, cơ sở hạ tầng như hệ thống điện nước xuống cấp, hóa chất, một số linh kiện đi kèm chưa được bổ sung nên khả năng phục vụ nghiên cứu khoa học của các PTN này còn hạn chế.

Các phòng thí nghiệm này chủ yếu phục vụ cho sinh viên thực tập. Một số đề tài NCKH có sử dụng, nhưng còn hạn chế. Hiệu quả khai thác sử dụng phòng thí nghiệm còn thấp, chưa đáp ứng đúng mục tiêu của Bộ khi đầu tư phòng thí nghiệm nhằm phục vụ NCKH và đào tạo nhân lực có trình độ cao (NCS, học viên cao học).

Ngoài ra Phòng thí nghiệm Công nghệ Xây dựng mới bắt đầu được đầu tư một số ít trang thiết bị và Phòng thí nghiệm Khoa học Địa chất đang trong giai đoạn lắp đặt thiết bị và chuyển giao công nghệ sử dụng thiết bị nên chưa đi vào hoạt động.

III. Hoạt động chuyển giao Công nghệ, tư vấn, dịch vụ KHCN

Hoạt động NCKH- triển khai công nghệ được chia làm 2 hình thức: hợp đồng được ký kết trực tiếp về Trường và các hợp đồng được ký kết về các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc Trường (Trung tâm, Công ty).

III.1. Các hợp đồng ký về trường

Năm 2014, Trường tổ chức thực hiện cho 26 hợp đồng NCKH – triển khai công nghệ với tổng kinh phí quyết toán theo hợp đồng là 9.369,225trđ (giảm 18,3% so với năm 2013). Kinh phí đóng góp cho Trường từ các hợp đồng này là 462,574 trđ (giảm 35,2% so với năm 2013) (chi tiết xem Bảng 3).

Năm 2014, là năm tài chính khó khăn cho hoạt động NCKH- chuyển giao công nghệ. Tuy nhiên thành tích như trên là kết quả đóng góp không nhỏ của các nhà khoa học đã chủ động liên kết mở rộng các hình thức ký kết hợp đồng NCKH – chuyển giao

công nghệ với các địa phương, doanh nghiệp từ các nguồn vốn khác nhau. Bên cạnh đó, nhà trường cũng chủ động tháo gỡ khó khăn trong công tác quyết toán tài chính, đáp ứng được yêu cầu về thủ tục tài chính đối với các đối tác.

Các hợp đồng được ký kết với các tỉnh (Tuyên Quang, Lào cai, Quảng Ninh, Hà Nội, Kon Tum, ...); hoặc các đơn vị như: Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản, ... Các hợp đồng NCKH – triển khai công nghệ được ký về Trường chủ yếu do cán bộ của Khoa Địa chất, Khoa Dầu khí ký kết.

Bên cạnh những hợp đồng NCKH – triển khai công nghệ, năm qua đã có nhiều hợp đồng liên kết đào tạo cấp chứng chỉ cho các ngành nghề chuyên sâu của các khoa: Dầu khí, Giáo dục quốc phòng...

III.2. Hoạt động của các Trung tâm nghiên cứu, Công ty CODECO

III.2.1. Hoạt động của Công ty CODECO và các trung tâm nghiên cứu

Năm 2014, công ty CODECO và các trung tâm của Trường đã thực hiện 834 hợp đồng (giảm 13% so với 2013), với tổng kinh phí quyết toán 183.184,923trđ (tương đương với năm 2013). Tổng kinh phí đóng góp cho Trường theo quy định là 1,5% kinh phí thực hiện là 2.747,774trđ. Số tiền các đơn vị đã nộp cho Trường (kể cả số nợ tồn đọng trước năm 2013 tính đến 25/3/2015) là 2.510,348trđ (đạt 91,3% kinh phí phải nộp); nộp thuế cho Nhà nước 14.674,44trđ, (tương đương năm 2013) (chi tiết xem Bảng 4).

Đánh giá chung:

Kết quả hoạt động NCKH của các trung tâm nghiên cứu đã góp phần đưa các ứng dụng công nghệ mới trong các lĩnh vực thăm dò, khai thác, trắc địa – bản đồ, công nghệ thông tin phục vụ kịp thời cho các địa phương, doanh nghiệp trong công tác thăm dò, khảo sát, thiết kế tạo tiền đề cho công tác quy hoạch, hoạch định chính sách về quản lý tài nguyên khoáng sản và đất đai ở các địa phương.

Hoạt động nghiên cứu của các trung tâm đã tạo địa bàn thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp cho học viên, sinh viên của nhà trường. Trong thời gian tới, các Khoa, bộ môn và các trung tâm nghiên cứu cần phối hợp gắn kết chặt chẽ hơn nữa trong công tác NCKH - đào tạo thông qua các đề tài NCKH, hợp đồng chuyển giao công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên có địa bàn thực tập, các tài liệu khoa học, các số liệu chuẩn xác nhất nhằm gắn kết giữa lý thuyết và thực tiễn. Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

III.2.2. Tình hình thực hiện Nghị định 115/2005/NĐ-CP và NĐ 80/NĐ-CP

Thực hiện công tác chuyển đổi các trung tâm theo Nghị định 115/2005/NĐ-CP và chuyển đổi công ty theo Nghị định 80/2015/NĐ-CP, nhà trường đã thành lập Tổ Định giá tài sản của các trung tâm. Kết quả kiểm tra cho thấy phần lớn các trung tâm đã thực hiện công tác kê khai đánh giá tài sản của đơn vị mình đầy đủ, cụ thể, đáp ứng được yêu cầu của hồ sơ chuyển đổi mô hình hoạt động theo quy định. Sau gần 10 năm thực hiện công tác chuyển đổi theo yêu cầu của Nhà nước, đến tháng 5/2014, 07 trung tâm và Công ty Codeco đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép chuyển đổi. Ngay sau khi được Bộ cho phép chuyển đổi, các trung tâm, công ty Codeco đã khẩn trương hoàn thiện các thủ tục hành chính như xin cấp mới giấy phép hoạt động KHCN, khắc dấu mới, ... Công tác chuyển đổi của nhà trường cơ bản đã hoàn thành tạo động lực mới cho các trung tâm, công ty Codeco trong hoạt động NCKH – chuyển giao công nghệ. Sau khi được chuyển đổi một số trung tâm đã mở ra được nhiều hợp đồng theo hướng liên doanh liên kết với các tổng công ty, tập đoàn, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

IV. Công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên và thi Olympic

IV.1. Công tác NCKH sinh viên

Hội nghị KHSV Trường lần thứ 27 đã được triển khai ở 23 tiểu ban chuyên môn. Tại Hội nghị, có tổng số 224 đề tài được nghiệm thu và báo cáo với 767 sinh viên tham gia thực hiện dưới sự hướng dẫn của các thầy cô giáo thuộc các khoa chuyên môn trong toàn trường. Ban tổ chức HNKHSV lần thứ 27 đã thẩm định, đánh giá và lựa chọn được 54 đề tài đạt chất lượng, đề nghị Nhà trường khen thưởng, gồm: 23 đề tài đạt giải Nhất, 22 đề tài đạt giải Nhì và 9 đề tài đạt giải Ba.

Nhìn chung, kết quả thực hiện đề tài NCKH của sinh viên đã minh chứng cho kết quả học tập nghiên cứu và hình thành hướng đi trong NCKH của thế hệ trẻ trong tương lai. Nhà trường đã chọn các công trình NCKHSV có chất lượng để gửi đi dự giải “*Tài năng khoa học trẻ Việt Nam*”, kết quả có 04 công trình đạt giải, trong đó có 01 giải nhất, 01 giải ba và 02 giải khuyến khích).

IV.2. Kết quả kỳ thi Olympic cấp Trường và cấp Quốc gia

Trong kỳ thi Olympic cấp Trường năm 2014 có 403 sinh viên của Trường tại các cơ sở đào tạo Hà Nội, Vũng Tàu tham dự (giảm 33,4% so với năm 2013). Ban tổ chức đã lựa chọn và đề nghị Hiệu trưởng khen thưởng 86 giải: gồm 07 giải Nhất, 12 giải Nhì, 31 giải Ba và 36 giải Khuyến khích. Trên cơ sở kết quả của thi Olympic cấp Trường, Nhà trường đã thành lập 6 đội tuyển tham dự kỳ thi Olympic cấp quốc gia. Các đội tuyển đã được chuẩn bị kiến thức tương đối tốt, các sinh viên tham gia đội tuyển có tinh thần trách nhiệm cao. Kết quả của kỳ thi Olympic cấp quốc gia: môn Vật lý có 5 giải nhì và 2 giải khuyến khích; môn Toán có 2 giải nhì, 2 giải ba, 2 giải khuyến khích; môn Hóa có 4 giải nhì, 1 giải khuyến khích; đội Cơ học đạt 2 giải khuyến khích.

Đánh giá chung:

1. Thành công của HNKH sinh viên lần thứ 27 và thi Olympic trong năm 2014 là nhờ sự quan tâm sâu sát của lãnh đạo Nhà trường, sự chủ động phối hợp giữa các đơn vị trong Trường tạo điều kiện cho sinh viên tự tin, hăng hái tham gia.

2. Việc đầu tư, định hướng các đề tài, hỗ trợ tinh thần vật chất của các thầy cô giáo cho sinh viên đã góp phần không nhỏ vào thành công của hoạt động NCKH và thi Olympic và mang lại ý nghĩa thiết thực cho việc nâng cao chất lượng phục vụ đào tạo và NCKH của sinh viên.

Kiến nghị:

- Các thầy cô giáo, bộ môn và khoa chuyên môn cần nhận thức cao hơn nữa trách nhiệm trong việc lựa chọn, xét duyệt đề tài và hướng dẫn sinh viên NCKH. Nhà trường cần đầu tư nhiều hơn cho các công trình tham dự giải “*Tài năng khoa học trẻ Việt Nam*”;

- Bộ môn có môn thi Olympic Quốc gia hàng năm cần đầu tư thỏa đáng về công tác huấn luyện đội tuyển tạo, điều kiện và trang bị cho các em có đủ kiến thức, kỹ năng cần thiết tham dự giải.

V. Công tác thông tin xuất bản và hội thảo khoa học

Hoạt động thông tin khoa học năm 2014 của Nhà trường đã đạt được kết quả như sau:

V.1. Về tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học

- 1- Đã tổ chức thành công Hội nghị Khoa học Trường lần thứ 21 (tháng 11/2014)
- 2- Đã tổ chức thành công Hội nghị Khoa học sinh viên lần thứ 27 (tháng 5/2014)
- 2- Đã tổ chức thành công 02 Hội thảo khoa học và một số Hội thảo chuyên đề, gồm:

1) Hội thảo khoa học "Gắn kết nghiên cứu khoa học cơ bản với các lĩnh vực Mỏ, Địa chất, Dầu khí và Môi trường" được tổ chức vào ngày 12 tháng 12 năm 2014, Khoa ĐHĐC chủ trì thực hiện.

2) Hội thảo quốc tế "Những tiến bộ trong khai thác mỏ và xây dựng trong công trình ngầm" được tổ chức từ ngày 21/10 đến ngày 22/10/2014 tổ chức tại Vũng Tàu, Khoa Mỏ chủ trì thực hiện.

Đánh giá chung: Các hội nghị, hội thảo đều được chuẩn bị công phu, nghiêm túc và tổ chức chu đáo. Thông qua hội thảo, các nhà khoa học, các nhà quản lý, các cán bộ trẻ của nhà trường có thêm nhiều cơ hội tiếp xúc giao lưu với các nhà khoa học trong và ngoài nước để học hỏi, trao đổi chuyên môn, ngoại ngữ và kinh nghiệm trong NCKH và quản lý; đồng thời góp phần trao đổi, hợp tác quốc tế về KHCN cũng như đào tạo sau đại học.

V.2. Về công tác xuất bản tài liệu KHCN

Năm 2014, công tác biên tập và xuất bản vẫn được duy trì và thực hiện tốt, luôn tuân thủ qui chế biên tập, chú trọng nâng cao chất lượng, nội dung và đảm bảo về hình thức.

1- Về Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất

Trong năm 2014 đã biên tập và xuất bản 4 số Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất (3 số thường kỳ và 1 số chuyên đề) với tổng số 64 bài báo khoa học. Mục lục các số Tạp chí (từ số 45 đến số 48) đều được phân theo các chuyên đề (chuyên mục).

Từ các kết quả nghiên cứu của các đề tài NCKH – chuyển giao công nghệ, các nhà khoa học đã công bố công trình khoa học trên các tạp chí, tài liệu khoa học trong và ngoài nước. Số bài báo công bố trên tạp chí quốc tế là 27 bài (tăng 9 bài so với năm 2013); số bài báo trong nước: 148 bài (giảm 15 bài so với năm 2013) (xem Bảng 5).

Bảng 5. Tổng hợp số lượng bài báo, báo cáo khoa học của các Khoa năm 2014

(theo số liệu báo cáo của các Khoa)

TT	Khoa	Bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế	Bài báo đăng trên các tạp chí trong nước	Báo cáo Hội thảo, Hội nghị trong và ngoài nước
1	Cơ – Điện	1	14	13
2	CNTT	1	4	20
3	Dầu khí	4	14	34
4	Địa chất	9	20	44
5	Đại học Đại cương	5	7	43
6	GDQP			6
7	Kinh tế - QTKD		15	50
8	Lý luận chính trị			15
9	Mỏ	2	11	31
10	Xây dựng		7	45
11	Trắc địa	5	44	55
12	Môi trường	1	12	26
	Cộng	27 + 1 = 28	148 + 5 = 153	382

(tên bài báo, báo cáo khoa học; tên tác giả, ... xem chi tiết trên Web: www.humg.edu.vn/vi/khcn)

Năm 2014, nhà trường đã hỗ trợ kinh phí cho 15 bài báo công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín theo quy định của nhà trường (2trđ/bài với tác giả chính và 0,5trđ/bài với tác giả tham gia).

2- Về Tuyển tập Công trình khoa học sinh viên

Ban biên tập đã lựa chọn và cho đăng 31 báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên đã đạt giải tại HNKH sinh viên lần thứ 27. Xuất bản 300 cuốn, mỗi cuốn 180 trang khổ (19x27)cm.

3- Về tài liệu các Hội thảo khoa học

Công tác biên tập và xuất bản các báo cáo khoa học phục vụ Hội nghị Khoa học Trường, các Hội thảo Khoa học Quốc tế cũng như các Hội thảo chuyên đề, được giao cho Ban Tổ chức hoặc các Khoa chuyên môn đăng cai hội thảo đảm nhận.

Nhìn chung, công tác biên tập đều được thực hiện khá nghiêm túc, đảm bảo chất lượng nội dung và hình thức phù hợp với qui mô, tính chất của từng hội nghị, hội thảo.

VI. Hoạt động quản lý KHCN

Công tác quản lý các hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ của Trường luôn được phòng KHCN và các phòng chức năng liên quan tổ chức quản lý chặt chẽ, tuân thủ các văn bản pháp quy, quy chế nội bộ.

Phòng KHCN thường xuyên theo dõi tiến độ, đôn đốc các chủ nhiệm đề tài, dự án triển khai nhiệm vụ theo các hợp đồng và đề cương nghiên cứu. Hướng dẫn kịp thời các chủ nhiệm đề tài báo cáo và thực hiện kế hoạch chi tiêu theo các quy định. Tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả các đề tài hoàn thành. Kịp thời triển khai tổ chức đăng ký các đề tài mới và xây dựng kế hoạch KHCN của Trường.

Đến Quý I/2015, các đề tài các cấp đều đã hoàn thành việc quyết toán kinh phí năm 2014. Số lượng đề tài, dự án NCKH các cấp được thực hiện và đã quyết toán kinh phí từ NSNN năm 2014 (xem bảng 2).

VII. Đánh giá chung

VII.1. Những ưu điểm, thành tích nổi bật

- Cùng với những Quy định, Thông tư của Nhà nước, của các Bộ ngành, nhà trường đã ban hành Quy định số 487/QĐ-MĐC ngày 08/5/2014 là cơ sở hành lang pháp lý cho công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

- Công tác quản lý hoạt động khoa học của nhà trường nhiều năm nay đã đi vào nề nếp, góp phần cho việc quản lý hoạt động KHCN ngày càng thuận lợi và nâng cao về chất lượng.

VII.2. Một số tồn tại, hạn chế

- Hoạt động quản lý của các đơn vị (khoa, bộ môn chủ quản) đối với các đề tài, dự án NCKH, các hợp đồng triển khai công nghệ phục vụ sản xuất chưa được quan tâm đúng mức; thiếu sự kiểm tra đôn đốc sát sao việc thực hiện đề tài, dự án, hợp đồng NCKH của cán bộ thuộc đơn vị quản lý.

- Việc quản lý các phòng thí nghiệm từ các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu và quản lý công sản của một số đơn vị còn lỏng lẻo. Nhà trường chưa có Quy chế tổ chức và hoạt động các phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu này.

- Việc đôn đốc, kiểm tra định kỳ các đề tài, nhiệm vụ các cấp còn chưa kịp thời.

- Việc triển khai làm việc nhóm của các đề tài còn hạn chế, chưa tự chủ trong công tác chuyên môn cũng như tài chính.

- Mối liên kết giữa nghiên cứu và đào tạo, giữa nghiên cứu với các doanh nghiệp, các địa phương còn hạn chế.

- Tiềm lực khoa học và trình độ Khoa học và Công nghệ, đội ngũ chuyên gia, cán bộ khoa học chưa đồng đều ở các ngành chuyên môn, dẫn đến tình trạng hoạt động khoa

học ở một số khoa, bộ môn còn yếu kém và rời rạc, chất lượng chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Do tính chất đặc thù về sản phẩm KHCN cùng với lực lượng cán bộ trẻ còn ít được chủ trì các đề tài lớn, nên năm 2014 Trường ta chưa có công trình NCKH tham dự “*Tài năng khoa học trẻ Việt Nam*” giành cho giảng viên trẻ tuổi dưới 35.

Một số giải pháp:

- Bổ sung, chỉnh sửa và ban hành quy định về quản lý hoạt động KH & CN để phù hợp các văn bản pháp quy hiện hành.

- Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động các phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu.

- Có chiến lược, cơ chế đầu tư thích đáng cho công tác đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu trong các lĩnh vực chủ đạo của Nhà trong thời gian tới.

- Xây dựng cơ chế đầu tư cho các công trình NCKH sinh viên và NCKH của giảng viên trẻ có năng lực nghiên cứu, để có các công trình, sản phẩm NCKH có chất lượng tham dự các giải thưởng của Bộ, của Nhà nước.

- Khen thưởng xứng đáng đối với các nhà khoa học tâm huyết, các cán bộ khoa học có bài báo đăng trên tạp chí trong danh mục ISI.

Phần thứ hai

TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2015

Năm 2015, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Nhà trường vẫn tiếp tục bám sát các hướng hoạt động KHCN đã được nêu trong kế hoạch hoạt động KHCN giai đoạn 2011-2015:

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả chương trình, các đề tài NCKH các cấp đã được phê duyệt.

- Tập trung xây dựng các chương trình, đề tài KHCN mang tính liên ngành để tập hợp đông đảo các nhà khoa học trong trường cùng giải quyết về các lĩnh vực mang tính chất chuyên ngành Khoa học Trái đất – Mỏ. Tăng cường gắn kết hợp tác quốc tế trong hoạt động KHCN nhất là NCKH – chuyển giao công nghệ.

- Tham gia tích cực vào các chương trình trọng điểm của Nhà nước, Bộ, Ngành; xây dựng các đề tài NCCB trong KHTN và NCCB định hướng ứng dụng theo quỹ Nafosted.

- Tăng cường xây dựng các đề tài phục vụ các doanh nghiệp, địa phương, liên kết với các tập đoàn, tổng công ty, viện nghiên cứu dựa trên năng lực, thế mạnh về các khoa học trái đất và mỏ của các nhà khoa học.

- Tổ chức các hội thảo chuyên đề, hội thảo quốc tế để cho các nhà khoa học, các nhà quản lý trao đổi, thảo luận về chuyên môn cũng như nâng cao trình độ ngoại ngữ, nhằm nâng cao vai trò, vị thế của nhà trường.

- Nâng cao chất lượng của Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất, thí điểm xuất bản 1 số của tạp chí bằng tiếng Anh trong năm 2015.

- Đầu tư, đẩy mạnh hơn nữa công tác NCKH của giảng viên trẻ và của sinh viên. Định hướng các hướng nghiên cứu là thế mạnh của trường và nhu cầu cấp bách của xã hội để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, cũng như tạo ra thương hiệu của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Các nhiệm vụ KHCN năm 2015, cụ thể:

1. Các nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước:

Tiếp tục thực hiện 12 đề tài, nhiệm vụ cấp Nhà nước, gồm:

+ 02 đề tài thuộc chương trình trọng điểm mã số KC.08.06/11-15 và chương trình biến đổi khí hậu mã số BĐKH.42;

+ 01 đề tài NCCB định hướng ứng dụng;

+ 05 đề tài NCCB trong khoa học tự nhiên;

+ Ký hợp đồng thực hiện 03 đề tài NCCB trong KHTN giao thực hiện từ năm 2015;

+ 01 đề tài KH & CN thuộc các chương trình trọng điểm do Bộ Công thương quản lý.

** Hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài*

Xây dựng các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo nghị định thư, hợp tác song phương với các nước: Nhật Bản, Đức, Ba Lan...

2. Các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ

Tập trung thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ:

- Triển khai thực hiện các đề tài thuộc chương trình cấp Bộ;

- Tiếp tục triển khai thực hiện 06 đề tài cấp Bộ chuyển tiếp từ 2014 và đơn đốc hoàn thành dứt điểm các đề tài hết hạn nghiên cứu;

- Tiếp tục triển khai thực hiện 02 nhiệm vụ hợp tác NCKH song phương với Nhật Bản và Ba Lan;

- Tổ chức ký hợp đồng, kịp thời triển khai thực hiện 05 đề tài mới được giao năm 2015;

- Tiếp tục thực hiện dự án tăng cường năng lực nghiên cứu cho phòng thí nghiệm của khoa Xây dựng.

3. Các nhiệm vụ NCKH – triển khai công nghệ phục vụ các địa phương, doanh nghiệp

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ NCKH - triển khai công nghệ phục vụ các địa phương, doanh nghiệp, gồm:

1. Đề tài: “*Nghiên cứu đánh giá tiềm năng đá mỹ nghệ tỉnh Kon Tum phục vụ quy hoạch thăm dò, khai thác*” do UBND tỉnh Kon Tum đặt hàng, PGS.TS. Nguyễn Khắc Giảng làm chủ nhiệm.

2. Đề tài “*Nghiên cứu bổ sung hoàn thiện bản đồ địa chất khoáng sản tỉ lệ 1:50.000 thành phố Hà Nội phục vụ quy hoạch đô thị và phát triển bền vững*” do Sở KHCN TP. Hà Nội đặt hàng, TS. Hoàng Văn Long làm chủ nhiệm.

3. Đề tài “*Nghiên cứu ứng dụng công nghệ LiDAR để quan trắc môi trường bụi không khí tỉnh Quảng Ninh*” do Sở KHCN tỉnh Quảng Ninh đặt hàng, TS. Bùi Thị Thanh Lan làm chủ nhiệm.

4. Dự án “*Ô nhiễm asen trong nước ngầm tại các vùng đồng bằng bồi tích ở Đông Nam Á*” phối hợp với Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG HN thực hiện, do PGS.TS. Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV) làm chủ nhiệm.

4. Các nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở

- Tổ chức triển khai thực hiện 42 đề tài, nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở;

- Tiếp tục thực hiện 153 đề tài NCKH sinh viên.

5. Các nhiệm vụ KHCN khác

- Tổ chức biên tập, xuất bản định kỳ 04 số Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất và 01 số tạp chí bằng tiếng Anh. Kien toàn bộ máy Ban Biên tập và Hội đồng Biên tập Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất; Hoàn thành văn bản hướng dẫn chi tiết việc viết bài báo theo tiêu chuẩn quốc tế;

- Hoàn thiện phần mềm website quản lý Tạp chí Khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất;

- Tổ chức Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ 28 (5/2015) và biên tập, xuất bản tuyển tập các công trình NCKH sinh viên năm 2015;

- Tổ chức các đội tuyển tham dự Olympic quốc gia năm 2015 các môn Toán, Vật lý, Cơ học;
- Tổ chức các hội thảo quốc tế và các hội thảo chuyên đề;
- Thực hiện các hoạt động KHCN khác.

6. Nhiệm vụ quản lý KHCN

- Chính sửa, bổ sung Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất cho phù hợp với các văn bản pháp quy của nhà nước mới ban hành.
- Tập trung xây dựng phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ KHCN chủ yếu giai đoạn 2016-2020 của nhà trường.
- Xây dựng cơ sở pháp lý và tổ chức bộ máy để quản lý và chuyển giao sản phẩm NCKH.
- Tổng kết hoạt động KHCN giai đoạn 2011-2015 và xây dựng kế hoạch KHCN giai đoạn 2016-2020.
- Hoàn thiện, ban hành Quy chế quản lý các phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu.
- Triển khai thực hiện quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KH&CN của Trường theo Nghị định 99/2014/NĐ-CP ngày 5/10/2014 của Chính phủ.

Trong năm 2014, Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã giành được những kết quả đáng khích lệ trong hoạt động KHCN. Những kết quả này đã khẳng định vai trò, vị trí của hoạt động KHCN trong nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, góp phần xứng đáng vào sự phát triển của Trường. Những kết quả đạt được xuất phát từ tinh thần đoàn kết của cán bộ viên chức và sinh viên trong toàn trường dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy và Ban Giám hiệu nhà trường. Ngoài sự nỗ lực của Trường, chúng ta còn nhận được sự quan tâm giúp đỡ có hiệu quả của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, của các Bộ, Ngành Trung ương, của các cơ quan và địa phương trong cả nước.

Thay mặt Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường, tôi xin chân thành cảm ơn các nhà khoa học, các thầy cô giáo, các nhà quản lý cùng toàn thể CBVC và sinh viên trong toàn trường đã vượt mọi khó khăn, đồng tâm hiệp lực thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Xin chân thành cảm ơn Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ Khoa học & Công nghệ đã quan tâm chỉ đạo và tạo điều kiện thuận lợi để Nhà trường hoàn thành nhiệm vụ năm 2014.

Năm 2015 là năm kết thúc của kế hoạch 5 năm (2011-2015), nhiệm vụ KHCN của Trường rất nặng nề, nhưng với truyền thống đoàn kết của đội ngũ cán bộ viên chức trong toàn Trường và tiềm năng chất xám của đội ngũ cán bộ khoa học của Trường, với mối quan hệ rộng rãi của Trường với các cơ quan và địa phương trong cả nước, tin tưởng rằng Trường ta sẽ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ KHCN năm 2015 để chuẩn bị bước vào kế hoạch 5 năm (2016-2020) và chào mừng Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Mỏ - Địa chất lần thứ 19.

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Hải An

Bảng 1. Danh mục đề tài, dự án NCKH các cấp thực hiện năm 2014

(tính đến tháng 25/3/2015)

(tính đến tháng 25/3/2013)

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Mã số đề tài			Tình hình thực hiện
			Nhà nước	Bộ	Trường	
I. Khoa Công nghệ thông tin 06 đề tài (01 đề tài cấp Nhà nước + 01 đề tài cấp Bộ+ 04 đề tài cấp cơ sở)						
1	Lê Văn Hưng	CN phần mềm		02/2012/HĐ-HTQTSP		Đang thực hiện
2	Trương Xuân Luận		NCCB-ĐHUĐ.2012-G/01			Đang thực hiện
3	Dương Thị Hiền Thanh	Tin học Kinh tế			T14-13	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
4	Đoàn Khánh Hoàng	Tin học Trắc địa			T14-14	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
5	Đặng Văn Nam	Tin học mỏ			T14-15	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
6	Trần Trung Chuyên	Tin học Trắc địa			T14-37	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
II Khoa Cơ điện 01 đề tài (01 đề tài cấp cơ sở)						
7	Nguyễn Thạc Khánh	KTĐ – Điện tử			T14-23	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
III Khoa Dầu khí 15 đề tài (03 đề tài cấp Nhà nước+08 đề tài cấp Bộ + 04 đề tài cấp cơ sở)						
8	Phạm Văn Tuấn	Địa chất dầu		B2010-02-90		Quá hạn 36 tháng
9	Lê Khánh Phồn	Địa vật lý		01/2012/HĐ-HTQTSP		Đang thực hiện
10	Tổng Thị Thanh Hương	Lọc – Hóa dầu	ĐT.04.12/NLSH			Đã có QĐ HĐ nghiệm thu cấp NN
11	Nguyễn Anh Dũng	Lọc – Hóa dầu	ĐT.13.12/ĐMCNKK			Đã có QĐ HĐ nghiệm thu cấp NN
12	Triệu Hùng Trường	Thiết bị DK và CT	ĐT.14.13/ĐMCNKK			Đang thực hiện
13	Trần Đình Kiên	Khoan – Khai thác		CTB-2012-02		Đang thực hiện
14	Bùi Thị Lệ Thủy	Lọc – Hóa dầu		B2012-02-10		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
15	Phạm Xuân Núi	Lọc – Hóa dầu		B2012-02-09		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
16	Lê Hải An	Địa vật lý		B2012-02-05		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
17				B2014-02-19		Đang thực hiện
18	Phan Thiên Hương	Địa vật lý		B2013-02-12		Đang thực hiện
19	Hồ Văn Sơn	Lọc hóa dầu			T14-17	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
20	Nguyễn Khắc Long	Khoan Khai thác			T14-18	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
21	Lê Ngọc Ánh	Địa chất dầu khí			T14-21	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
22	Hoàng Anh Dũng	Thiết bị DK & CT			T14-22	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
IV. Khoa Địa chất 28 đề tài (07 đề tài cấp Nhà nước +13 đề tài cấp Bộ+08 đề tài cấp cơ sở)						
23	Nguyễn Quang Luật	Khoáng sản		B2011-02-03		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
24				B2014-02-33NV		Đang thực hiện
25	Đoàn Văn Cánh	Địa chất thủy văn	KC.08-06/11-15			Đang thực hiện
26	Trần Thanh Hải	Địa chất	BĐKH.42			Đang thực hiện

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Mã số đề tài			Tình hình thực hiện
			Nhà nước	Bộ	Trường	
27	Nguyễn Bách Thảo	Địa chất thủy văn		B2010-02-84		Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
28	Lê Trọng Thắng	Địa chất công trình		B2012-02-07		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
29	Lê Tiên Dũng	Khoáng thạch		CTB-2012-02-01		Đang thực hiện
30	Tô Xuân Vu	Địa chất công trình		CTB-2012-02-02		Đang thực hiện
31	Nguyễn Văn Phóng	Địa chất công trình		CTB-2012-02-03		Đang thực hiện
32	Nguyễn Văn Lâm	Địa chất thủy văn		CTB-2012-02-04		Đang thực hiện
33	Trần Bình Chư	Khoáng sản		CTB-2012-02-05		Đang thực hiện
34	Đỗ Minh Toàn	Địa chất công trình		CTB-2012-02-07		Đang thực hiện
35	Nguyễn Huy Phương	Địa chất công trình		CTB-2012-02-06		Đang thực hiện
36	Hoàng Văn Long	Địa chất biển	105.01.2011.18			Đang thực hiện
37					T14-31	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
38	Bùi Hoàng Bắc	Tìm kiếm thăm dò	105.03.2011.11			Đang thực hiện
39					T14-32	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
40	Ngô Xuân Thành	Địa chất	105.01.2011.14			Đã nộp hồ sơ nghiệm thu
41					T14-33	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
42	Phạm Trung Hiếu	Khoáng thạch	105.03.2011.23			Đang thực hiện
43	Trần Mỹ Dũng	Địa chất	105.01.2012.06			Đang thực hiện
44	Phạm Thị Vân Anh	Khoáng thạch		B2013-02-13		Đang thực hiện
45	Lê Thị Thu	Khoáng sản		B2013-02-14		Đang thực hiện
46	Dương Văn Bình	Địa chất công trình			T14-19	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
47	Bùi Văn Bình	Địa chất công trình			T14-29	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
48	Hoàng Văn Hoan	Địa chất thủy văn			T14-30	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
49	Nguyễn Thị Thanh Thảo	NLK			T14-34	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
50	Hoàng Thị Thoa	Khoáng sản			T14-35	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
V. Khoa Đại học đại cương 11 đề tài (02 nhiệm vụ cấp nhà nước +01 đề tài cấp Bộ + 08 đề tài cấp cơ sở)						
51	Bùi Thị Thanh Lan	Vật lý	14/2011/HĐ.NĐT			Quá hạn (đã nghiệm thu cấp cơ sở)
52	Vũ Kim Thư	Hóa	104.01.2012.24			Đang thực hiện
53	Vũ Thị Minh Hồng	Hóa		B2014-02-16		Đang thực hiện
54	Nguyễn Trường Thanh	Toán			T14-01	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
55	Nguyễn Thị Hằng	Toán			T14-02	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
56	Nguyễn Mạnh Hùng	Vật lý			T14-03	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Mã số đề tài			Tình hình thực hiện
			Nhà nước	Bộ	Trường	
57	Đào Việt Thắng	Vật lý			T14-04	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
58	Trần Thị Hà	Vật lý			T14-05	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
59	Hà Mạnh Hùng	Hóa học			T14-06	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
60	Lê Viết Tuấn	Giáo dục thể chất			T14-07	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
61	Đỗ Kim Phương	Ngoại ngữ			T14-08	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
VI. Khoa Mô 07 đề tài (01 đề tài Nhà nước + 04 đề tài cấp Bộ + 02 đề tài cấp cơ sở)						
62	Trần Văn Thanh	Khai thác hầm lò	ĐT.06.12/ĐMCNKK			Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
63	Đặng Vũ Chí	Khai thác hầm lò		B2010-02-85		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
64	Bùi Xuân Nam	Khai thác lộ thiên		B2013-02-04ATLĐ		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
65	Vũ Đình Hiếu	Khai thác lộ thiên		B2014-02-05ATLĐ		Đã nghiệm thu cấp cơ sở
66	Phạm Văn Luận	Tuyển khoáng		B2014-02-17		Đang thực hiện
67	Nguyễn Ngọc Phú	Tuyển khoáng			T14-24	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
68	Nguyễn Văn Thịnh	Khai thác hầm lò			T14-25	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
VII. Khoa Môi trường 07 đề tài (06 đề tài cấp Bộ + 01 đề tài cấp cơ sở)						
69	Đỗ Văn Bình	Địa sinh thái		B2010-02-107TĐ		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
70				B2011-07MT		Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
71	Nguyễn Phương	Môi trường cơ sở		B2013-02-15		Đang thực hiện
72				B2014-02-01MT		Đang thực hiện
73	Nguyễn Văn Dũng	Môi trường cơ sở		B2013-01MT		Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
74	Trần Thị Thu Hương	ĐST & CNMT			T14-26	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
75	Nguyễn Quốc Phi	Môi trường cơ sở		B2014-02-21		Đang thực hiện
VIII. Khoa Trắc địa 08 đề tài (05 đề tài cấp Bộ + 03 đề tài cấp cơ sở)						
76	Trần Khánh	Trắc địa công trình		B2010-02-105TĐ		Quá hạn 36 tháng
77	Nguyễn Quang Minh	Trắc địa phổ thông		B2012-02-06		Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
78	Dương Văn Phong	Trắc địa cao cấp		B2012-02-08		Đã quá hạn
79	Trần Thùy Dương	Địa chính		B2013-02-11		Đang thực hiện
80	Nguyễn Văn Sáng	Trắc địa cao cấp		B2014-02-18		Đang thực hiện
81	Lê Thanh Nghị	Đo ảnh viễn thám			T14-10	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
82	Nguyễn Thế Công	Địa chính			T14-27	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
83	Bùi Khắc Luyện	Trắc địa cao cấp			T14-36	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
IX. Khoa Xây dựng 02 đề tài (01 đề tài Nhà nước + 01 đề tài cấp cơ sở)						
84	Nguyễn Quang Phích	XDCTN&Mỏ	NCCB-ĐHƯĐ.2011-G/13			Đang tổng kết

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Mã số đề tài			Tình hình thực hiện
			Nhà nước	Bộ	Trường	
85	Nguyễn Trọng Dũng	Hạ tầng cơ sở			T14-28	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
X Khoa Kinh tế và QTKD 02 đề tài (02 đề tài cấp cơ sở)						
86	Lê Đình Chiêu	QTDN Mô			T14-11	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
87	Lê Thị Thu Hương	QTDN Mô			T14-12	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
XI Khoa Lý luận chính trị 01 đề tài (01 đề tài cấp cơ sở)						
88	Trần Thị Phúc An	Tư tưởng HCM			T14-09	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
XII Các đơn vị khác (02 đề tài cấp cơ sở)						
89	Trần Bắc Bộ	Khoa GDQP			T14-16	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
90	Ngô Thái Vinh	Khoa Tại chức			T14-20	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá

Tổng cộng: 90 đề tài, trong đó:

- Cấp Nhà nước: 15 (02 đề tài thuộc chương trình; 02 NCCB ĐHƯD; 06 NCCB; 01 NĐT; 04 đề tài Công thương)
- Cấp Bộ: 38 (01 chương trình, 24 đề tài, nhiệm vụ được cấp kinh phí 2014; 14 đề tài chuyển từ các năm trước sang không còn kinh phí 2014).
- Cấp cơ sở: 37 đề tài

Bảng 2. Số lượng đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp cơ sở được thực hiện và kinh phí được quyết toán năm 2014

(Phân theo các Khoa trong toàn Trường)

TT	Đơn vị quản lý đề tài, nhiệm vụ	Nhiệm vụ cấp Nhà nước (số lượng/tổng kinh phí (trđ))					Nhiệm vụ cấp Bộ (số lượng/tổng kinh phí (trđ))			Đề tài cấp Cơ sở (số lượng/tổng kinh phí (trđ))	Ghi chú
		Chương trình KHCN	Đề tài Bộ Công thương QL	NCCB định hướng UD	NCCB trong KHTN	NĐT	Chương trình KHCN	Đề tài, nhiệm vụ	Nhiệm vụ HT song phương		
1	Khoa Đại học đại cương				1/215,3	1/0		1/75		8/136	
2	Khoa Mỏ		1/600					2/575		2/70	
3	Khoa Địa chất	2/3873			5/780,9			10/1.360		8/265	
4	Khoa Dầu khí		3/682				1/139	3/304	1/380	4/110	
5	Khoa Trắc địa							2/237		3/102	
6	Khoa Cơ - Điện									1/35	
7	Khoa Môi trường							3/569		1/35	
8	Khoa Xây dựng			1/0						1/30	
9	Khoa KTế-QTKD									2/27	
10	Khoa Lý luận chính trị									1/12	
11	Khoa CNTT			1/2202					1/380	4/42	
12	Đơn vị khác									2/32	
Tổng cộng		2/3873	4/1282	2/2202	6/996,2	1/0	1/139	21/3.120	2/760	37/896*	

Ghi chú: (*): 896 trđ: trong đó 800trđ từ NSKHCN và 96trđ từ nguồn khác

Bảng 3. Tình hình quyết toán các hợp đồng NCKH - triển khai công nghệ kỹ về Trường

(tính đến 3/2015 - theo số liệu quyết toán của Phòng Tài vụ)

TT	Mã số	Tên hợp đồng; thời gian thực hiện	Chủ nhiệm	Tổng kinh phí (đ)	Kinh phí đến 2014 (đ)	KP quyết toán 2014 (đ)	KP đóng góp cho Trường năm 2014 (đ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I		Khoa Địa chất		10 242 198 685	4 211 211 078	4 211 211 078	198 595 905
1	555ĐC/HĐ12	Điều tra đánh giá tổng hợp điều kiện địa chất tự nhiên, môi trường khu vực Cồn Nổi và vùng đất ngập nước ven	Lê Tiến Dũng	930 000 000	500 000 000	500 000 000	25 000 000 ✓
2	557ĐC/HĐ12	Đặc điểm phân bố hàm lượng flo cao trong nước ngầm khu vực huyện Đồng Xuân (Phú Yên) Việt Nam; đánh giá các nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe con người (2012-2014)	Nguyễn Khắc Giảng	200 000 000	200 000 000	200 000 000	12 000 000 ✓
3	561ĐC/HĐ13	Nghiên cứu bổ sung hoàn thiện bản đồ địa chất - khoáng sản tỉ lệ 1:50.000 thành phố Hà Nội phục vụ quy hoạch đô thị và phát triển bền vững	Hoàng Văn Long	2 250 000 000			
4	562ĐC/HĐ14	Nghiên cứu đánh giá địa chất và thăm động thực vật núi Khe Pậu, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang nhằm phục vụ phát triển kinh tế du lịch	Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV)	419 878 078	418 878 078	418 878 078	20 940 905 ✓
5	563ĐC/HĐ14	Nghiên cứu đánh giá tiềm năng đá mỹ nghệ tỉnh Kon Tum phục vụ quy hoạch thăm dò, khai thác	Nguyễn Khắc Giảng	662 875 064	300 000 000	300 000 000	15 000 000 ✓
6	564ĐC/HĐ14	Dự án "Ô nhiễm asen trong nước ngầm tại các vùng đồng bằng bồi tích ở Đông Nam Á"	Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV)	2 107 564 543			
7	565ĐC/HĐ14	Thành lập bản đồ cấu trúc - kiến tạo tỉ lệ 1:200.000 thuộc đề án "đánh giá tiềm năng tài nguyên urani Việt Nam" năm 2014	Trần Thanh Hải	2 925 301 000	2 792 333 000	2 792 333 000	125 655 000 ✓
8	566ĐC/HĐ14	Thành lập bản đồ vô phong hóa vùng miền núi các tỉnh Lào Cai, Yên Bái tỉ lệ 1:50.000 thuộc đề án "Điều tra, đánh giá và phân vùng cảnh báo nguy cơ trượt lở đất, đá"	Nguyễn Khắc Giảng	746 580 000			
II		Khoa Dầu khí		6 609 074 402	4 188 619 500	4 188 619 500	191 249 600

9	75DK/HĐ13	Nghiên cứu đặc điểm trầm tích và đánh giá chất lượng đá chứa cacbonnat tuổi Miocen khu vực Phú Khánh	Lê Hải An	2 161 275 402			
10	76DK/HĐ13	Nghiên cứu địa chấn địa tầng phân tập cho các lô Champasak và Saravan -CHDCND Lào	Nguyễn Thị Minh Hồng	897 750 000	901 661 625	901 661 625	40 573 000 ✓
11	77DK/HĐ13	Cung cấp dịch vụ nghiên cứu địa tầng phân tập và môi trường trầm tích cho lô M-2 thêm lục địa Myanmar	Nguyễn Thị Minh Hồng	1 894 830 000	1 903 507 875	1903 507 875	85 653 000 ✓
12	78DK/HĐ13	Hợp đồng đào tạo bồi dưỡng nâng cao	Lê Hải An	106 239 000			
13	79DK/HĐ13	Đào tạo khóa học Dầu khí đại cương	Lê Hải An	41 850 000			
14	81DK/HĐ14	Cung cấp dịch vụ nghiên cứu môi trường và địa tầng phân tập cho các lô Champasak và Saravan, CHDCND Lào	Nguyễn Thị Minh Hồng	693 500 000	693 500 000	693 500 000	31 207 000 ✓
15	82DK/HĐ15	Hợp đồng phân tích mẫu	Phạm Văn Tuấn	123 680 000			
16	01/2014/HĐ-ĐT	Đào tạo khóa học cho cán bộ công ty Dầu khí nước ngoài	Lê Hải An	225 750 000	225 750 000	225 750 000	11 061 000
17	03/2014/HĐ-ĐT	Đào tạo khóa học cho cán bộ công ty Dầu khí nước ngoài	Lê Hải An	232 000 000	232 000 000	232 000 000	11 377 800
18	05/2014/HĐ-ĐT	Đào tạo khóa học cho cán bộ công ty Dầu khí nước ngoài	Lê Hải An	232 200 000	232 200 000	232 200 000	11 377 800
III		Khoa Mỏ		640 000 000			
19	93M/HĐ12	Nghiên cứu lựa chọn các giải pháp kỹ thuật công nghệ và quản lý nhằm giảm tổn thất tài nguyên và ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác một số khoáng sản trọng điểm trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (2012-2013)	Nguyễn Phú Vụ	640 000 000			
IV		Đơn vị khác		1 791 595 660	969 395 000	969 395 000	72 728 850
20	21MT/HĐ12	Ứng dụng phương pháp đồng vị môi trường đánh giá tính bền vững của trữ lượng tầng qp vùng Hà Nội	Bùi Học/Đỗ Văn Bình	150 000 000	126 550 000	126 550 000	5 977 250
21	22GDQP/HĐ14	Tổ chức giảng dạy môn Giáo dục quốc phòng - An ninh cho trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội (phụ lục 01)	Nguyễn Văn Quảng	39 580 000	38 783 000	38 783 000	3 878 000
22	22GDQP/HĐ14	Tổ chức giảng dạy môn Giáo dục quốc phòng - An ninh cho trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội (phụ lục 02)	Nguyễn Văn Quảng	240 084 000	234 326 000	234 326 000	23 400 000

23	23ĐHĐC/HĐ14	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ LiDAR để quan trắc môi trường bụi không khí tỉnh Quảng Ninh	Bùi Thị Thanh Lan	597 851 660	300 000 000	300 000 000	15 000 000
24	24GDQP/HĐ14	Tổ chức giảng dạy môn Giáo dục quốc phòng - An ninh cho Học viện Ngoại giao	Nguyễn Văn Quảng	234 080 000	219 736 000	219 736 000	21 973 600
25	25HB/HĐ14	Hợp đồng đào tạo bồi dưỡng kiến thức ngoại ngữ	Nguyễn Gia Khuê	50 000 000	50 000 000	50 000 000	2 500 000
26	26CNTT/HĐ14	Lập trình và biên tập các trang bản đồ điện tử ở các mức độ biểu thị khác nhau	Nguyễn Trường Xuân	480 000 000			
		Cộng (mục I đến mục IV)		19 282 868 747	9 369 225 578	9 369 225 578	462 574 355

Bảng 4. Hoạt động KHCN của các trung tâm, công ty CODECO năm 2014

(số liệu tính đến ngày 25/3/2015)

(theo số liệu báo cáo của các Trung tâm, công ty)

TT	Trung tâm, công ty	Số hợp đồng thực hiện năm 2014	Kinh phí thực hiện (1000đ)			Kinh phí nộp Trường (1000đ)				Các loại thuế (1000đ)
			Tổng	Đã về năm 2014	Đã quyết toán số kinh phí	Số nợ tồn trước 2014	Mức giao nộp 2014 (1,5%)	Đã nộp	Còn phải nộp	
1	Công ty CODECO	67	33 228 407		33 228 407		498 426	261 000	237 426	3 656 053
2	TT NC Địa kỹ thuật	340	55 729 000		55 729 000		835 935	835 935		1 462 500
3	TT NC Môi trường Địa chất	172	35 854 630		35 854 630		537 819	537 819		3 836 317
4	TT Hỗ trợ Phát triển KHKT	106	30 076 000		23 418 349		351 275	351 275		2 545 500
5	TT KHCN Mỏ và Môi trường	47	15 374 744		15 374 744		230 621	230 621		1 632 712
6	TT NC Trắc địa công trình	27	5 425 000		5 425 000	25 260	81 375	81 375	25 260	573 500
7	TT NCƯĐ CNM Trắc địa - Bản đồ	24	2 939 377		2 939 377		44 091	44 091		306 701
8	TT NC Cơ điện mỏ	11	3 666 406	3 666 406	2 390 960		35 864	35 864		227 155
9	TT TK Công nghệ khoáng chất	40	10 474 000		8 824 456		132 367	132 367		434 002
	Tổng cộng	834	192 767 564		183 184 923	25 260	2 747 774	2 510 348	262 686	14 674 440

* Ghi chú: Mức giao nộp năm 2014 là 1,5% tổng doanh thu (mức đóng góp tối thiểu 30 trđ).